

Số: 2600 /QĐ-PVCFC

Cà Mau, ngày 11 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Nghị quyết phiên họp tháng 9/2023 của Hội đồng quản trị số 2480/NQ-PVCFC ngày 28/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công bố thông tin của PVCFC như nội dung đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định số 2150/QĐ-PVCFC ngày 04/10/2021 về việc ban hành Quy chế công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quyết định số 2559/QĐ-PVCFC ngày 29/11/2021 về việc ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Trưởng các ban, đơn vị trực thuộc PVCFC và Người công bố thông tin chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- BTV Đảng ủy (b/c);
- Lưu: VT, HĐQT.

Đính kèm:

- Quy chế công bố thông tin.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Nguyên
Ngày: 11/10/2023 14:22



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU



**QUY CHẾ
CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Mã số: 2023 - HĐQT - QC - CBTT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2600 /QĐ-PVCFC ngày 11/10/2023
của Hội đồng quản trị)*

03	BAN MARKETING	BAN PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ	HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Lần ban hành	Đơn vị soạn thảo	Đơn vị kiểm tra	Phê duyệt



MỤC LỤC:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Giải thích từ ngữ.....	1
Điều 3. Tài liệu tham chiếu.....	2
Điều 4. Nguyên tắc chung.....	2

CHƯƠNG II: CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin trên TTCK.....	3
Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin	3
Điều 7. Phương tiện công bố thông tin	4
Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin.....	4

MỤC 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Điều 9. Công bố báo cáo tài chính.....	5
Điều 10. Công bố báo cáo thường niên	6
Điều 11. Công bố báo cáo tình hình quản trị Công ty	6
Điều 12. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	7

MỤC 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Điều 13. Các sự kiện phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ.....	7
Điều 14. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	9
Điều 15. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	9
Điều 16. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác	10
Điều 17. Công bố thông tin về các hoạt động khác	10
Điều 18. Công bố thông tin theo yêu cầu.....	11

MỤC 3: CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ LIÊN QUAN

Điều 19. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn.....	11
Điều 20. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ	12
Điều 21. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai	13

CHƯƠNG III: CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

Điều 22. Người phát ngôn và công bố thông tin.....	13
Điều 23. Hình thức phát ngôn và công bố thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng	14



Điều 24. Phát ngôn và công bố thông tin định kỳ.....	15
Điều 25. Phát ngôn và công bố thông tin trong trường hợp đột xuất, bất thường	15
Điều 26. Tổ chức thực hiện phát ngôn và công bố thông tin trên phương tiện đại chúng	16

CHƯƠNG IV: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 27. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng quản trị	16
Điều 28. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổng Giám đốc.	16
Điều 29. Trách nhiệm và quyền hạn của Người được ủy quyền công bố thông tin trên thị trường chứng khoán	17
Điều 30. Trách nhiệm và quyền hạn của Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn trên phương tiện thông tin đại chúng	17
Điều 31. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ quan hệ cổ đông.....	18

CHƯƠNG V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Tổ chức thực hiện.....	18
Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp.....	18
Điều 34. Khen thưởng và xử lý vi phạm.....	18



CHƯƠNG I:

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này điều chỉnh cho các hoạt động sau đây của Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau:

- a. Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.
- b. Phát ngôn và công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Đối tượng áp dụng:

- a. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.
- b. Các đơn vị, cá nhân liên quan đến công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ.

Trong Quy chế này, các thuật ngữ/từ ngữ được sử dụng trong văn bản này được viết tắt và được hiểu như sau:

Stt	Thuật ngữ/ Từ ngữ	Viết tắt	Giải thích
1.	Công ty	PVCFC	Công ty cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau
2.		ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
3.		TTCK	Thị trường chứng khoán
4.		HĐQT	Hội đồng quản trị Công ty cổ phần phân bón Dầu khí Cà Mau
5.		BCTC	Báo cáo tài chính
6.	Người được uỷ quyền công bố thông tin		Người được Người đại diện theo pháp luật uỷ quyền công bố thông tin và được đăng ký theo quy định của pháp luật.
7.	Người nội bộ của Công ty		Bao gồm: - Chủ tịch Hội đồng quản trị; - Thành viên Hội đồng quản trị; - Trưởng Ban Kiểm soát; - Thành viên Ban kiểm soát; - Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; - Kế toán trưởng; - Người đại diện theo pháp luật, người được uỷ quyền công bố thông tin; - Người phụ trách quản trị Công ty; - Thư ký Công ty.
8.	Người có liên quan		Là tổ chức, cá nhân theo quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019.

Stt	Thuật ngữ/ Từ ngữ	Viết tắt	Giải thích
9.	Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin		Bao gồm: - Nhà đầu tư là người nội bộ của PVCFC và người có liên quan của người nội bộ; - Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của PVCFC; - Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu của PVCFC; - Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của PVCFC.
10.	Cổ đông lớn		Là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của PVCFC.
11.	Quỹ ETF	ETF	Quỹ hoán đổi danh mục (Exchange-Traded Fund), gọi tắt là quỹ ETF, là quỹ được hình thành từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ.
12.	Đối tượng công bố thông tin		Là tổ chức, cá nhân theo quy định tại Khoản 1, Điều 118, Luật Chứng khoán 2019.

Điều 3. Tài liệu tham chiếu.

1. Luật Báo chí số 103/2016/QH13 ngày 05 tháng 4 năm 2016.
2. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020.
3. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.
4. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
5. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Nghị định 09/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017 có hiệu lực từ ngày 30/3/2017 quy định chi tiết việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước.
7. Điều lệ Công ty.

Điều 4. Nguyên tắc chung.

1. Việc công bố thông tin trên TTCK và các phương tiện thông tin đại chúng phải đầy đủ, chính xác, kịp thời và tuân thủ theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế này.
2. Việc công bố thông tin phải do người có thẩm quyền thực hiện.
3. Các thông tin phải được phê duyệt bởi người có thẩm quyền trước khi công bố thông tin trên TTCK và các phương tiện thông tin đại chúng.



CHƯƠNG II:

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin trên TTCK.

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng.

2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Các đối tượng công bố thông tin theo Quy chế này, khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định.

4. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã báo cáo, công bố theo quy định sau: Các thông tin công bố định kỳ phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm, các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu là 05 năm. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác; các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của PVCFC tối thiểu là 05 năm.

6. Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp công bố thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung thông tin công bố bằng tiếng Anh chỉ có tính tham khảo.

Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin.

1. Tổng Giám đốc là người thực hiện công bố thông tin, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin được công bố.

2. Tổng Giám đốc trực tiếp thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc thông qua 01 cá nhân được ủy quyền (gọi là người được ủy quyền công bố thông tin). Việc đăng ký, đăng ký lại người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số I ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC cùng với Bản cung cấp thông tin của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin theo Phụ lục số III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh tối thiểu 24 giờ trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.



3. Trường hợp phát sinh sự kiện phải công bố thông tin mà cả Tổng Giám đốc và người được ủy quyền công bố thông tin (theo Khoản 1 và Khoản 2 Điều này) đều vắng mặt thì:

a. Người được Tổng Giám đốc ủy quyền điều hành giải quyết các công việc thuộc Công ty chịu trách nhiệm thực hiện công bố thông tin.

b. Đơn vị chủ trì phát sinh sự kiện và Tổ quan hệ cổ đông phải báo cáo Hội đồng quản trị để chỉ định người thực hiện công bố thông tin nếu Tổng giám đốc không có ủy quyền điều hành Công ty cho người khác.

Điều 7. Phương tiện công bố thông tin.

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

a. Trang thông tin điện tử (website) của PVCFC.

b. Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

c. Trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán.

d. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của Pháp luật (báo in, báo điện tử ...).

2. Việc thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của PVCFC theo quy định sau:

a. PVCFC báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc ngày thay đổi về địa chỉ trang thông tin điện tử này.

b. Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế công bố thông tin, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định của pháp luật.

c. Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử.

3. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ...

4. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trang thông tin điện tử của Sở Giao dịch Chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin.

1. Công ty và các đối tượng có liên quan được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Công ty và các đối tượng có liên quan phải báo cáo Ủy



ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện, trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin, đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty và các đối tượng có liên quan có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

MỤC 1: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Điều 9. Công bố báo cáo tài chính.

1. Công bố báo cáo tài chính năm:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

a. Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

b. Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.

c. Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Công bố báo cáo tài chính bán niên:

a. Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

b. Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

c. Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

3. Công bố báo cáo tài chính quý:

a. Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có);



b. Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, được lập theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này. Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.

c. Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Công ty công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

4. Khi công bố báo cáo tài chính Công ty phải công bố 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm của riêng Công ty và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

5. Công ty phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại Khoản 6 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại Khoản 1, 2, 3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau (bao gồm cả cơ sở báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp):

a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.

c. Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

d. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

Điều 10. Công bố báo cáo thường niên.

Công ty phải lập báo cáo thường niên theo Phụ lục số IV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và công bố báo cáo này chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

Điều 11. Công bố báo cáo tình hình quản trị Công ty.

Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị Công ty theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.



Điều 12. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

1. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này cho tới khi tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông. Thời điểm tổ chức các cuộc họp kế tiếp thực hiện theo quy định pháp luật về doanh nghiệp.

3. Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố trong vòng 24 giờ kể từ khi kết thúc phiên họp.

4. Việc công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu thực hiện theo Điều 15 Quy chế này.

MỤC 2: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Điều 13. Các sự kiện phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ.

Công ty phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

1. Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này.

2. Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.

3. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.



4. Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.

5. Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.

6. Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty.

7. Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.

8. Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết.

9. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty.

10. Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

a. Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán.

b. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm PVCFC báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

c. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.

11. Thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực). Đồng thời, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

12. Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm hợp nhất gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06 tháng hợp nhất gần nhất được soát xét.

13. Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty.

14. Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty, quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

15. Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.

16. Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, PVCFC phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó.

17. Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty.

18. Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán nước ngoài.

19. Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ.

20. Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của PVCFC tại báo cáo tài chính năm hợp nhất gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên hợp nhất gần nhất được soát xét.

21. Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

22. Khi công bố thông tin theo quy định tại Điều này phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

Điều 14. Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường.

Công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

1. Việc công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.

2. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, PVCFC phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

Điều 15. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.

1. Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 điều này.



2. Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

Điều 16. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác.

1. Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

2. Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Công ty công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

3. Sau khi chia, tách, sáp nhập, Công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

4. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 9 Quy chế này.

Điều 17. Công bố thông tin về các hoạt động khác.

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn:

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Công ty phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở Giao dịch Chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ:

a. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.



b. Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

Điều 18. Công bố thông tin theo yêu cầu.

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh:

- a. Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
- b. Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

MỤC 3:

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÁC ĐỐI TƯỢNG CÓ LIÊN QUAN

Điều 19. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn.

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu cho Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán theo mẫu quy định tại Phụ lục VII Thông tư số 96/2020/TT-BTC trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) phải công bố thông tin và báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định.

4. Quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

5. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng được quy định tại Điều này.



Điều 20. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ.

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty như sau:

1. Khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a. Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII hoặc Phụ lục XIV ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.

b. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở Giao dịch Chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở Giao dịch Chứng khoán.

c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại Điểm b Khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai.

d. Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp Công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký.

e. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020/TT-BTC.



f. Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 19 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều này.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại Điểm a, b và d Khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của Công ty hoặc là người có liên quan của các đối tượng này.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, PVCFC phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 21. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

Khi Công ty bị chào mua công khai, tổ chức hoặc cá nhân chào mua công khai và Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chào mua công khai.

CHƯƠNG III: CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

Hoạt động công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng quy định tại chương này không bao gồm hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 22. Người phát ngôn và công bố thông tin.

1. Người phát ngôn và công bố thông tin của Công ty gồm:

a. Tổng Giám đốc.

b. Phó Tổng Giám đốc phụ trách lĩnh vực truyền thông được Tổng Giám đốc giao nhiệm vụ bằng văn bản thực hiện phát ngôn và công bố thông tin thường xuyên (sau đây gọi chung là Người phát ngôn).

c. Trong trường hợp cần thiết, Tổng Giám đốc ủy quyền bằng văn bản cho người khác có trách nhiệm thuộc Công ty phát ngôn (sau đây gọi chung là Người được ủy quyền phát ngôn) hoặc công bố thông tin về những vấn đề cụ thể được giao.



Người phát ngôn quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này, nếu đi vắng hoặc không thể thực hiện phát ngôn và công bố thông tin thì phải báo cáo để Tổng Giám đốc ủy quyền cho người có trách nhiệm thực hiện việc phát ngôn và công bố thông tin.

Việc ủy quyền phát ngôn này phải được thực hiện bằng văn bản, chỉ áp dụng trong từng vụ việc và có thời hạn nhất định. Văn bản ủy quyền phải thể hiện rõ họ tên, số điện thoại, email của Người được ủy quyền phát ngôn và được công khai trên Website của Công ty trong thời hạn 12h, kể từ thời điểm ký văn bản ủy quyền.

2. Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn quy định tại Điểm b, Điểm c, Khoản 1 Điều này không được ủy quyền lại cho người khác.

3. Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

- a. Là cán bộ nhân viên đang làm việc chính thức tại Công ty;
- b. Có lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ trung thực khách quan;
- c. Có am hiểu sâu về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và lĩnh vực hoạt động của Công ty; có hiểu biết nhất định về lĩnh vực báo chí, nắm vững các quy định pháp luật về báo chí;
- d. Có năng lực phân tích, tổng hợp, xử lý thông tin báo chí và có khả năng giao tiếp với báo chí.

4. Người phát ngôn và Người được ủy quyền phát ngôn có nhiệm vụ và quyền hạn như quy định tại Điều 30 Quy chế này.

5. Chỉ những người có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều này mới được nhân danh đại diện Công ty phát ngôn và cung cấp thông tin. Thông tin của những người này cung cấp là thông tin chính thức về các hoạt động của Công ty.

6. Các cá nhân không thuộc Khoản 1 Điều này không được nhân danh Công ty để phát ngôn, cung cấp thông tin.

Điều 23. Hình thức phát ngôn và công bố thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng.

1. Tổ chức họp báo.
2. Đăng tải nội dung phát ngôn và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty.
3. Phát ngôn trực tiếp hoặc trả lời phỏng vấn của nhà báo, phóng viên.
4. Gửi thông cáo báo chí, nội dung trả lời cho cơ quan báo chí, nhà báo, phóng viên bằng văn bản hoặc qua thư điện tử.
5. Các hình thức khác.



Điều 24. Phát ngôn và công bố thông tin định kỳ.

1. Công ty tổ chức công bố thông tin định kỳ về hoạt động, các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, quan hệ cộng đồng, quan hệ cổ đông... thông qua một trong các hình thức sau:

a. Công bố thông tin hàng tuần, tháng về hoạt động của Công ty bằng việc đăng tải lên Website của Công ty.

b. Ít nhất 03 tháng một lần, công bố thông tin định kỳ cho báo chí bằng hình thức thông báo trên báo chí hoặc tổ chức họp báo. Việc tổ chức họp báo được tổ chức theo quy định hiện hành.

c. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức công bố thông tin cho báo chí bằng văn bản hoặc thông tin trực tiếp tại các buổi họp, hội thảo do sở ban ngành, cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Hội nhà báo cấp tỉnh tổ chức.

2. Trong buổi tổ chức họp báo, Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn công bố cho báo chí các thông tin về:

a. Các hoạt động chủ yếu của Công ty.

b. Các sự kiện, chương trình có liên quan đến nội dung buổi họp báo.

c. Quan điểm và ý kiến giải quyết của lãnh đạo Công ty đối với các vấn đề quan trọng, đột xuất được dư luận, báo chí và xã hội quan tâm có liên quan đến Công ty.

3. Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn có trách nhiệm trả lời các câu hỏi của phóng viên tham dự họp báo. Trường hợp Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn nhận thấy nội dung câu hỏi vượt quá thẩm quyền hoặc chưa rõ, cần tham khảo thêm thì được phép không trả lời ngay và đề xuất Công ty sẽ công bố thông tin đầy đủ bằng văn bản sau.

4. Trong trường hợp họp báo có nội dung về các vấn đề chuyên môn, Người phát ngôn/Người được ủy quyền phát ngôn chỉ đạo lãnh đạo đủ thẩm quyền các Đơn vị thuộc Công ty cùng tham gia buổi họp báo (không được cử cán bộ cấp dưới đi thay) và trả lời yêu cầu của báo chí (nếu có) liên quan đến lĩnh vực Đơn vị mình phụ trách. Người phát ngôn/Người được ủy quyền chịu trách nhiệm về tính chính xác thông tin Đơn vị công bố.

5. Nội dung thông tin công bố tại các buổi họp báo sẽ được đăng tải đầy đủ trên Website của Công ty.

Điều 25. Phát ngôn và công bố thông tin trong trường hợp đột xuất, bất thường

Người phát ngôn hoặc Người được ủy quyền phát ngôn có trách nhiệm phát ngôn và công bố thông tin kịp thời, chính xác cho báo chí trong các trường hợp đột xuất, bất thường sau đây:

1. Khi xảy ra các sự kiện, vấn đề quan trọng có tác động lớn trong xã hội hoặc khi dư luận xuất hiện nhiều ý kiến không thống nhất về một vấn đề thuộc phạm vi quản lý của Công ty thì Người phát ngôn hoặc Người được ủy quyền phát ngôn phải thực hiện phát ngôn và công bố thông tin cho báo chí để cảnh báo kịp thời và định hướng dư luận; thông tin về quan điểm và cách xử lý của Công ty đối với các sự kiện, vấn đề đó.



2. Trường hợp xảy ra vụ việc cần có ngay thông tin ban đầu của Công ty thì Người phát ngôn hoặc Người được ủy quyền phát ngôn có trách nhiệm chủ động phát ngôn, công bố thông tin trong thời gian chậm nhất là một (01) ngày, kể từ khi vụ việc xảy ra.

3. Khi cơ quan báo chí hoặc cơ quan chỉ đạo, quản lý nhà nước về báo chí có yêu cầu phát ngôn hoặc công bố thông tin về các sự kiện, vấn đề của Công ty, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Công ty đã được nêu trên báo chí hoặc về các sự kiện, vấn đề nêu tại Khoản 1, 2 Điều này.

4. Khi có căn cứ cho rằng báo chí đăng tải thông tin sai sự thật về lĩnh vực do Công ty quản lý, Người phát ngôn hoặc Người được ủy quyền phát ngôn yêu cầu cơ quan báo chí đó phải đăng tải ý kiến phản hồi, cải chính theo quy định của pháp luật.

5. Việc tổ chức phát ngôn và công bố thông tin trong trường hợp đột xuất được thực hiện thông qua một số hình thức sau: thông tin trên Website Công ty, tổ chức họp báo, thông tin bằng văn bản hoặc hình thức khác cho cơ quan báo chí.

Điều 26. Tổ chức thực hiện phát ngôn và công bố thông tin trên phương tiện đại chúng.

Công ty tổ chức thu thập, xử lý thông tin và thực hiện công bố thông tin trên phương tiện đại chúng (định kỳ hoặc đột xuất) theo quy trình hướng dẫn do Tổng Giám đốc ban hành.

CHƯƠNG IV: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 27. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng quản trị.

1. Ban hành Quy chế công bố thông tin.
2. Giao Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm ban hành, cập nhật, sửa đổi, bổ sung các Quy trình liên quan với Quy chế này, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực tế thực hiện của Công ty.

Điều 28. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổng Giám đốc.

1. Tổ chức chỉ đạo, thực hiện công bố thông tin trên TTCK và các phương tiện thông tin đại chúng. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Công ty về thông tin được công bố, kể cả trong trường hợp ủy quyền cho người khác.
2. Ban hành quyết định thành lập Tổ quan hệ cổ đông.
3. Phê duyệt ban hành chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị liên quan đến hoạt động công bố thông tin.
4. Phê duyệt ban hành quy trình, hướng dẫn phối hợp thực hiện công bố thông tin
5. Thành lập Hội đồng chuyên môn, Ban biên tập, Tổ giúp việc (nếu cần thiết) để tham mưu, giúp việc nhằm đảm bảo việc công bố thông tin tuân thủ đúng quy định pháp luật và Quy chế này.
6. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho nhân sự được giao nhiệm vụ phát ngôn và cung cấp thông tin.



Điều 29. Trách nhiệm và quyền hạn của Người được ủy quyền công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Tổng Giám đốc về việc thực hiện các nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, nhà đầu tư và những người có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm vụ của người được ủy quyền công bố thông tin:

- a. Trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng, miễn cưỡng.
- b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.
- c. Có đủ thời gian thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề về quản trị Công ty theo quy định.

3. Liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề về quản trị công ty theo quy định.

4. Kiểm tra, xác minh và bổ sung, sửa đổi (nếu có) các thông tin công bố trong vòng 48 giờ, kể từ khi nhận được ý kiến phản hồi, thực hiện công bố bổ sung/đính chính các thông tin theo quy định.

Điều 30. Trách nhiệm và quyền hạn của Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn trên phương tiện thông tin đại chúng.

1. Được nhân danh đại diện Công ty phát ngôn và công bố thông tin.

2. Có quyền yêu cầu các đơn vị, cá nhân có liên quan trong Công ty cung cấp thông tin theo nội dung và thời hạn cung cấp thông tin để phát ngôn, cung cấp thông tin định kỳ, đột xuất cho báo chí theo quy định.

3. Đối với những vấn đề phức tạp, nhạy cảm Người phát ngôn/Người được ủy quyền phát ngôn có trách nhiệm báo cáo Tổng Giám đốc về nội dung trước khi công bố.

4. Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn có trách nhiệm từ chối, không phát ngôn và công bố thông tin trong các trường hợp sau:

a. Thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, bí mật thuộc nguyên tắc và quy định của Đảng, bí mật đời tư của cá nhân và bí mật khác theo quy định của pháp luật.

b. Thông tin về vụ án đang được điều tra hoặc chưa xét xử, trừ trường hợp cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan điều tra cần thông tin trên báo chí những vấn đề có lợi cho hoạt động điều tra và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

c. Thông tin về vụ việc đang trong quá trình thanh tra chưa có kết luận thanh tra; vụ việc đang trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo; những vấn đề tranh chấp, mâu thuẫn giữa các cơ quan nhà nước đang trong quá trình giải quyết, chưa có kết luận chính thức của người có thẩm quyền mà theo quy định của pháp luật chưa được phép công bố.

d. Những văn bản chính sách, đề án đang trong quá trình soạn thảo mà theo quy định của pháp luật chưa được người có thẩm quyền cho phép công bố.

e. Những vấn đề bí mật thuộc quy định của Công ty trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; những bí mật và quyền cá nhân của cán bộ, nhân viên thuộc Công ty.

f. Những vấn đề không thuộc quyền hạn phát ngôn.



5. Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn có trách nhiệm phát ngôn và công bố thông tin cho báo chí và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Tổng Giám đốc về nội dung phát ngôn và thông tin công bố cho báo chí.

Điều 31. Trách nhiệm và quyền hạn của Tổ quan hệ cổ đông.

1. Có quyền yêu cầu các đơn vị, cá nhân có liên quan trong Công ty cung cấp thông tin công bố trên TTCK theo nội dung và thời hạn cung cấp thông tin.
2. Xem xét, đảm bảo nội dung các thông tin công bố trên TTCK đầy đủ và kịp thời.
3. Lưu trữ các thông tin công bố trên TTCK đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định.

CHƯƠNG V: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Tổ chức thực hiện.

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm ban hành các quy trình hướng dẫn và trách nhiệm về việc tổ chức triển khai thực hiện và sự phối hợp giữa các Phòng, Ban, Chi nhánh, Đơn vị, cá nhân trong việc công bố thông tin và Quy trình họp báo và trả lời phỏng vấn báo chí đảm bảo phù hợp với các quy định tại Quy chế này.

2. Trưởng các Phòng, Ban, Chi nhánh, Đơn vị của Công ty có trách nhiệm phổ biến Quy chế này đến cán bộ, nhân viên thuộc quyền quản lý để thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện:

a. Nếu phát sinh vướng mắc, bất cập cần sửa đổi, bổ sung Quy chế này, các Đơn vị phản hồi về Ban Marketing để tổng hợp, đề xuất với Tổng Giám đốc xem xét, trình Hội đồng quản trị phê duyệt sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế quản lý của PVCFC.

b. Trong trường hợp Quy chế này không quy định đầy đủ hoặc sai khác với các văn bản pháp luật hoặc khi các văn bản quy phạm pháp luật có thay đổi, điều chỉnh, bổ sung thì thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 33. Điều khoản chuyển tiếp.

Sau 60 ngày kể từ ngày Quy chế này được ban hành, các Quy chế ban hành trước đây có nội dung trái với các nội dung tại Quy chế này được bãi bỏ và thay thế; TGD có nhiệm vụ ban hành các hướng dẫn chi tiết (nếu có) để triển khai thực hiện phù hợp với Quy chế này.

Điều 34. Khen thưởng và xử lý vi phạm.

1. Các Đơn vị, cá nhân thực hiện tốt quy định tại Quy chế này được khen thưởng theo quy định của Công ty.

2. Các Phòng, Ban, Chi nhánh, Đơn vị, Cá nhân có liên quan không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ các quy định trong Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm theo quy định của Công ty và theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp tự ý công bố thông tin thì cá nhân, đơn vị vi phạm sẽ chịu trách nhiệm trước Ban lãnh đạo của Công ty và sẽ bị xử lý theo quy định./.

